

**BỘ NỘI VỤ**

-----

Số: 499/QĐ-BNV

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 12 tháng 4 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung)**

**Hội Văn học nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam**

**BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ**

*Căn cứ Luật quy định quyền lập hội ngày 20 tháng 5 năm 1957;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2017/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;*

*Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;*

*Theo đề nghị của Chủ tịch Hội Văn học nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) của Hội Văn học nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam đã được Đại hội nhiệm kỳ VI (2019 - 2024) của Hội thông qua ngày 18 tháng 11 năm 2019.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chủ tịch Hội Văn học nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam, Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ và Chánh Văn phòng Bộ Nội vụ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng Bộ Nội vụ (để báo cáo);
- Thứ trưởng Trần Anh Tuấn;
- Bộ VH,TT&DL;
- Lưu: VT, TCPCP, N.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Trần Anh Tuấn**

**DIỀU LỆ (SỬA ĐỔI, BỔ SUNG)**  
**HỘI VĂN HỌC NGHỆ THUẬT CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ VIỆT NAM**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 499/QĐ-BNV ngày 12 tháng 4 năm 2021  
của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)



**Chương I**  
**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Tên gọi, biểu tượng**

1. Tên tiếng Việt: Hội Văn học nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam.
2. Tên tiếng Anh: Vietnamese Ethnic Minorities Art and Literature Association.
3. Tên viết tắt tiếng Anh: VEMALA.
4. Hội có biểu tượng (logo): được đăng ký bản quyền theo quy định của pháp luật.

**Điều 2. Tôn chỉ, mục đích**

Hội Văn học nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam (sau đây gọi tắt là Hội) là tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp tự nguyện của công dân, tổ chức Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực sáng tác, sưu tầm, dịch thuật, nghiên cứu, lý luận, phê bình, phổ biến và quản lý về văn học nghệ thuật các dân tộc thiểu số của Việt Nam nhằm tập hợp, đoàn kết hội viên, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của hội viên; giữ gìn, phát huy giá trị tốt đẹp của các dân tộc thiểu số; sáng tạo các tác phẩm văn học nghệ thuật về dân tộc thiểu số và miền núi có giá trị tư tưởng và nghệ thuật cao, góp phần phát triển nền văn học nghệ thuật các dân tộc thiểu số và văn hóa nghệ thuật của Việt Nam.

**Điều 3. Địa vị pháp lý, trụ sở**

1. Hội có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng, hoạt động theo quy định pháp luật Việt Nam và Điều lệ Hội được Bộ trưởng Bộ Nội vụ phê duyệt.
2. Trụ sở của Hội đặt tại: số 66 đường Nguyễn Văn Huyền, phường Quan Hoa, quận Cầu Giấy, Thủ đô Hà Nội.

**Điều 4. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động**

1. Hội hoạt động trên phạm vi cả nước trong lĩnh vực sáng tạo, phổ biến văn học nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam.
2. Hội hoạt động theo sự lãnh đạo của Đảng, chịu sự quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ; sự quản lý của các bộ, ngành có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.
3. Hội là thành viên của Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam. Hội có quan hệ phối hợp chặt chẽ với các Hội Văn học nghệ thuật, các cơ quan, đoàn thể ở trung ương và địa phương.

## **Điều 5. Nguyên tắc hoạt động của Hội**

1. Tự nguyện, tự quản.
2. Dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch.
3. Tự bảo đảm kinh phí hoạt động.
4. Không vì mục đích lợi nhuận.
5. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Hội.

## **Chương II QUYỀN HẠN, NHIỆM VỤ**

### **Điều 6. Quyền hạn**

1. Tuyên truyền tôn chỉ, mục đích hoạt động của Hội.
2. Đại diện cho hội viên trong các quan hệ trong nước và ngoài nước có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Hội.
3. Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện hoạt động văn học nghệ thuật các dân tộc thiểu số của Hội.
4. Thành lập và quản lý các pháp nhân thuộc Hội phù hợp với lĩnh vực hoạt động, tôn chỉ, mục đích và theo quy định của pháp luật.
5. Khen thưởng và kỷ luật đối với hội viên, tổ chức thuộc Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.
6. Được gây quỹ Hội trên cơ sở hội phí của hội viên và các nguồn thu từ hoạt động kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật để tự trang trải kinh phí hoạt động.
7. Được nhận các nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật. Được Nhà nước hỗ trợ kinh phí cho các hoạt động gắn với nhiệm vụ do Đảng, Nhà nước giao theo quy định của pháp luật.
8. Được gia nhập các tổ chức trong nước và quốc tế tương ứng và ký kết, thực hiện thỏa thuận quốc tế theo quy định của pháp luật và báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực Hội hoạt động, cơ quan quyết định cho phép thành lập Hội về việc gia nhập tổ chức quốc tế tương ứng, ký kết, thỏa thuận quốc tế.

### **Điều 7. Nhiệm vụ**

1. Chấp hành các quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức, hoạt động của Hội. Tổ chức, hoạt động theo Điều lệ Hội đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Không lợi dụng hoạt động của Hội để làm tổn hại đến an ninh, trật tự xã hội, đạo đức, truyền thống của dân tộc.
2. Vận động, tập hợp, đoàn kết; tạo điều kiện cho hội viên nghiên cứu, sưu tầm, sáng tác, bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa, nghệ thuật truyền thống của dân tộc thiểu số và sáng tạo công trình, tác phẩm mới về văn học nghệ thuật dân tộc thiểu số.

3. Phối hợp với các Hội chuyên ngành trong Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam, các cơ quan hữu quan và đoàn thể quần chúng, nhằm tổ chức các hoạt động văn hóa văn nghệ, như sau:

a) Sáng tạo tác phẩm văn học nghệ thuật về cuộc sống và con người các dân tộc thiểu số Việt Nam trên cơ sở tôn trọng tiếng nói, chữ viết và phong cách riêng của từng dân tộc;

b) Suu tầm, dịch, bảo quản các di sản văn học nghệ thuật các dân tộc thiểu số;

c) Nghiên cứu, phê bình văn học nghệ thuật dân tộc thiểu số;

d) Tổ chức hoạt động, giao lưu văn học nghệ thuật giữa các dân tộc trong nước và ngoài nước theo quy định của pháp luật; tiếp thu có chọn lọc thành tựu văn học nghệ thuật tiên tiến của các nước phù hợp với truyền thống văn hóa của dân tộc.

4. Thẩm định giá trị, chất lượng các công trình nghiên cứu, sưu tầm, biên dịch, sáng tác của hội viên và tác giả khác khi có yêu cầu.

5. Thẩm định, tư vấn các vấn đề văn học nghệ thuật dân tộc thiểu số cho cơ quan của Đảng, Nhà nước và các tổ chức khi có yêu cầu.

6. Kiến nghị với Đảng và Nhà nước về chính sách văn hoá nghệ thuật đối với dân tộc thiểu số nói riêng và vùng miền núi nói chung theo quy định của pháp luật.

7. Tham gia phát triển, bồi dưỡng tài năng trẻ và quan tâm giúp đỡ văn nghệ sĩ lão thành người dân tộc thiểu số.

8. Giới thiệu, phổ biến tác phẩm văn học nghệ thuật các dân tộc thiểu số có giá trị thông qua các hình thức: xuất bản, phát hành, triển lãm, biểu diễn, tổ chức sự kiện phù hợp với điều kiện của Hội và pháp luật của Việt Nam.

9. Hướng dẫn, phối hợp giúp đỡ các Chi hội trực thuộc thực hiện chương trình hoạt động hàng năm của Hội theo quy định của Điều lệ Hội.

### **Chương III HỘI VIÊN**

#### **Điều 8. Hội viên và tiêu chuẩn hội viên**

1. Hội viên của Hội gồm Hội viên chính thức và hội viên danh dự.

a) Hội viên chính thức: công dân, tổ chức Việt Nam có đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Khoản 2 Điều này, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện gia nhập Hội có thể trở thành hội viên chính thức của Hội.

b) Hội viên danh dự: công dân, tổ chức Việt Nam không có điều kiện hoặc không đủ tiêu chuẩn trở thành hội viên chính thức của Hội, có nhiều đóng góp cho việc phát triển văn học nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện gia nhập Hội, được Hội công nhận là hội viên danh dự.

2. Tiêu chuẩn hội viên chính thức:

a) Hội viên cá nhân: công dân Việt Nam có đủ năng lực hành vi dân sự hoạt động trong lĩnh vực sáng tác, sưu tầm, dịch thuật, nghiên cứu, lý luận, phê bình, phổ biến và quản lý về văn học nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam và có đóng góp cho sự nghiệp phát triển văn học nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam;

b) Hội viên tổ chức: các Hội Văn học nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được thành lập theo quy định của pháp luật, tán thành Điều lệ Hội, đóng hội phí hàng năm đầy đủ và tự nguyện xin gia nhập Hội thì được Hội xem xét công nhận là hội viên tổ chức của Hội. Đại diện hội viên tổ chức phải là công dân Việt Nam.

### **Điều 9. Quyền của hội viên**

1. Hội viên được Hội bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật.

2. Được Hội cung cấp thông tin liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội, được tham gia các hoạt động do Hội tổ chức.

3. Được tham gia thảo luận, quyết định các chủ trương công tác của Hội theo quy định của Hội; được kiến nghị, đề xuất ý kiến với cơ quan có thẩm quyền về những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội.

4. Được hưởng quyền lợi về vật chất, tinh thần do Hội tạo ra, được Hội tạo điều kiện sáng tác, công bố tác phẩm, công trình theo quy định của Hội và Nhà nước.

5. Được tham gia các đề tài nghiên cứu khoa học do Hội đảm nhận; tham dự các hoạt động do Hội tổ chức.

6. Được dự Đại hội, ứng cử, đề cử, bầu cử các Ban, các chức danh lãnh đạo và Ban Kiểm tra Hội theo quy định của Hội.

7. Được giới thiệu hội viên mới.

8. Được khen thưởng theo quy định của Hội.

9. Được cấp thẻ hội viên của Hội.

10. Có quyền xin ra khỏi Hội khi xét thấy không thể tiếp tục là hội viên.

11. Hội viên từ đủ 70 tuổi trở lên được miễn đóng hội phí.

12. Hội viên danh dự được hưởng quyền và nghĩa vụ như hội viên chính thức, trừ quyền biểu quyết các vấn đề của Hội và quyền ứng cử, đề cử, bầu cử Ban Lãnh đạo, Ban Kiểm tra Hội.

### **Điều 10. Nghĩa vụ của hội viên**

1. Nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật của Nhà nước, Điều lệ Hội, Nghị quyết, Quy chế và các quy định của Hội, bảo vệ uy tín của Hội. Không được nhân danh Hội trong các giao dịch, trừ khi được lãnh đạo Hội phân công bằng văn bản.

2. Tham gia các hoạt động và sinh hoạt của Hội; đoàn kết, hợp tác với các hội viên khác để xây dựng Hội phát triển vững mạnh.

3. Không ngừng trau dồi nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn; nâng cao chất lượng sáng tác, sáng tạo tác phẩm, công trình văn học nghệ thuật các dân tộc thiểu số.

4. Tuyên truyền, vận động, giới thiệu, kết nạp hội viên mới. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định của Hội.

5. Hội viên cư trú thường xuyên ở địa phương nào phải tham gia sinh hoạt tại Chi hội ở địa phương đó. Trường hợp địa phương chưa có Chi hội thì hội viên đề nghị Ban Thường vụ Hội giới thiệu sinh hoạt ở Chi hội khác.

6. Đóng hội phí đầy đủ và đúng hạn.

### **Điều 11. Thủ tục, thẩm quyền kết nạp hội viên; thủ tục ra khỏi Hội**

1. Thủ tục, thẩm quyền kết nạp hội viên:

a) Điều kiện gia nhập Hội: công dân, tổ chức Việt Nam có đủ điều kiện theo quy định tại Điều 8 của Điều lệ này muốn gia nhập Hội phải làm hồ sơ xin gia nhập Hội theo mẫu do Ban Chấp hành Hội quy định;

b) Ban Chấp hành xét và quyết định kết nạp hội viên. Việc kết nạp hội viên phải được trên 1/2 (một phần hai) số ủy viên Ban Chấp hành biểu quyết tán thành. Mỗi năm Hội tổ chức xét kết nạp hội viên một lần;

c) Ban Chấp hành xem xét, quyết định kết nạp hội viên. Theo Nghị quyết của Ban Chấp hành, Chủ tịch Hội ký ban hành quyết định kết nạp. Tuổi Hội của hội viên được tính từ ngày ban hành quyết định.

2. Thủ tục ra khỏi Hội:

a) Hội viên muốn ra khỏi Hội, tự nguyện làm đơn gửi Ban Chấp hành Hội, Quyền và nghĩa vụ hội viên sẽ chấm dứt sau khi Ban Chấp hành Hội thông báo chấp thuận;

b) Hội viên bị xem xét, quyết định khai trừ ra khỏi Hội trong các trường hợp: vi phạm pháp luật, Điều lệ Hội. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể các trường hợp bị xem xét khai trừ ra khỏi Hội;

c) Hội viên khi ra khỏi Hội, phải trả lại thẻ hội viên;

d) Sau khi Ban Chấp hành xem xét, quyết định, Chủ tịch Hội có trách nhiệm ra quyết định chấm dứt tư cách hội viên.

## **Chương IV TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG**

### **Điều 12. Cơ cấu tổ chức của Hội**

1. Đại hội.

2. Ban Chấp hành Hội.

3. Ban Thường vụ.

4. Ban Kiểm tra.

5. Văn phòng, chi hội và các ban chuyên môn.

6. Các tổ chức trực thuộc Hội được thành lập theo quy định của pháp luật.

### **Điều 13. Đại hội**

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội là Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường. Đại hội nhiệm kỳ được tổ chức 05 (năm) năm một lần. Đại hội bất thường được triệu tập khi ít nhất có 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành hoặc có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức đề nghị.

2. Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường được tổ chức dưới hình thức Đại hội đại biểu toàn quốc. Đại hội đại biểu toàn quốc được tổ chức khi có trên 1/2 (một phần hai) số hội viên chính thức hoặc có trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức có mặt.

3. Nhiệm vụ của Đại hội:

a) Thảo luận và thông qua báo cáo tổng kết nhiệm kỳ; phương hướng, nhiệm vụ của nhiệm kỳ mới của Hội;

b) Thảo luận và thông qua Điều lệ (sửa đổi, bổ sung); đổi tên, chia tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể Hội (nếu có);

c) Thảo luận, góp ý kiến vào Báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành và Báo cáo tài chính của Hội;

d) Thảo luận và thông qua các nguyên tắc bầu cử, quyết định số lượng và bầu Ban Chấp hành và Ban Kiểm tra Hội;

đ) Thông qua Nghị quyết Đại hội;

e) Các nội dung khác (nếu có).

4. Nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội:

a) Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định;

b) Việc biểu quyết thông qua các quyết định của Đại hội phải được trên 1/2 (một phần hai) đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội biểu quyết tán thành.

### **Điều 14. Ban Chấp hành Hội**

1. Ban Chấp hành Hội do Đại hội bầu, là cơ quan lãnh đạo của Hội giữa hai nhiệm kỳ Đại hội. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành cùng với nhiệm kỳ của Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấp hành Hội:

a) Tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội, lãnh đạo mọi hoạt động của Hội giữa hai kỳ Đại hội;

b) Quyết định chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của Hội, xét duyệt ngân sách và thông qua kế hoạch hỗ trợ sáng tạo hàng năm, kết nạp, khai trừ hội viên, khen thưởng, kỷ luật, giải thể chi hội và các nhiệm vụ khác của Hội. Trong một số trường hợp cần thiết, Ban Chấp hành ủy quyền Ban Thường vụ giải quyết, sau đó báo cáo Ban Chấp hành trong phiên họp gần nhất;

c) Chuẩn bị và quyết định triệu tập Đại hội của Hội; có trách nhiệm hướng dẫn thi hành Điều lệ Hội;

d) Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy của Hội theo Điều lệ. Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ; Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội; Quy chế quản lý, sử dụng con dấu của Hội; Quy chế khen thưởng, kỷ luật; các quy định khác phù hợp với quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật;

đ) Bầu, miễn nhiệm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, ủy viên Ban Thường vụ và Chủ tịch Hội đồng nghệ thuật; bầu bổ sung ủy viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra. Số ủy viên Ban Chấp hành bầu bổ sung không được quá 1/3 (một phần ba) so với số lượng ủy viên Ban Chấp hành đã được Đại hội quyết định;

e) Ủy viên Ban Chấp hành là đại biểu đương nhiên của Đại hội kế tiếp.

### 3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Chấp hành:

a) Ban Chấp hành hoạt động theo Quy chế của Ban Chấp hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Chấp hành mỗi năm họp tối thiểu 01 (một) lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Ban Thường vụ hoặc trên 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành;

c) Các cuộc họp của Ban Chấp hành là họp lệ khi có trên 1/2 (một phần hai) ủy viên Ban Chấp hành tham gia dự họp. Ban Chấp hành có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Chấp hành quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Chấp hành dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội (hoặc được Chủ tịch Hội ủy quyền chủ trì cuộc họp);

đ) Ủy viên Ban Chấp hành vắng mặt 02 (hai) lần liên tiếp trong các cuộc họp Ban Chấp hành (với bất kỳ lý do gì) sẽ bị xem xét miễn nhiệm khỏi Ban Chấp hành. Tại cuộc họp Ban Chấp hành kế tiếp sẽ tiến hành bỏ phiếu kín để đưa ra quyết định cuối cùng. Việc miễn nhiệm chỉ được thông qua khi có trên 2/3 (hai phần ba) số phiếu hợp lệ tán thành;

e) Ủy viên Ban Chấp hành vắng mặt trên 1/2 (một phần hai) tổng số các cuộc họp Ban Chấp hành trong một nhiệm kỳ (kể cả trường hợp có lý do) thì sẽ không đủ tư cách đại biểu chính thức tham dự Đại hội của nhiệm kỳ kế tiếp.

## **Điều 15. Ban Thường vụ**

1. Ban Thường vụ Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành; Ban Thường vụ Hội gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các ủy viên. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Thường vụ do Ban Chấp hành quyết định.



## 2. Nhiệm vụ và quyền hạn Ban Thường vụ:

a) Thay mặt Ban Chấp hành triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội; tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành; lãnh đạo hoạt động của Hội giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành;

b) Chuẩn bị nội dung và quyết định triệu tập họp Ban Chấp hành;

c) Quyết định thành lập, tổ chức, đơn vị thuộc Hội theo Nghị quyết của Ban Chấp hành; Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cơ cấu tổ chức; Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm lãnh đạo các tổ chức, đơn vị thuộc Hội.

## 3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Thường vụ:

a) Ban Thường vụ hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Thường vụ 03 (ba) tháng họp một lần, không kể họp bất thường khi Chủ tịch Hội hoặc có 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Thường vụ yêu cầu;

c) Cuộc họp của Ban Thường vụ là họp lệ khi có trên 1/2 (một phần hai) ủy viên Ban Thường vụ tham gia dự họp. Ban Thường vụ có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Thường vụ quyết định;

d) Các Nghị quyết, quyết định của Ban Thường vụ được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Thường vụ dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội.

## **Điều 16. Ban Kiểm tra**

1. Ban Kiểm tra Hội do Đại hội bầu bằng phiếu kín, Ban kiểm tra bầu Trưởng ban, Phó trưởng ban. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Kiểm tra do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

## 2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm tra:

a) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ Hội, nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, các quy chế của Hội trong hoạt động của các tổ chức, đơn vị trực thuộc Hội, hội viên;

b) Xem xét, giải quyết đơn, thư phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, hội viên và công dân gửi đến Hội;

c) Trưởng Ban kiểm tra được tham dự các cuộc họp Ban Thường vụ, Ban Chấp hành;

d) Sau khi thực hiện công tác kiểm tra, tùy theo tính chất của từng vụ việc, Ban Kiểm tra có trách nhiệm báo cáo với Ban Thường vụ, Ban Chấp hành Hội xem xét, quyết định.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm tra: Ban Kiểm tra hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

## **Điều 17. Chủ tịch Hội**

1. Chủ tịch Hội là người đại diện trước pháp luật về mọi hoạt động của Hội. Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Thường vụ Hội. Tiêu chuẩn Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định, trên cơ sở đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của Đảng và Nhà nước.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội;

b) Chịu trách nhiệm toàn diện trước cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập Hội, cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực hoạt động chính của Hội, trước Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội về mọi hoạt động của Hội. Chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của Hội theo quy định Điều lệ Hội; nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội;

c) Chủ trì các phiên họp của Ban Chấp hành; chỉ đạo chuẩn bị, triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban Thường vụ;

d) Là chủ tài khoản của Hội;

đ) Thay mặt Ban Chấp hành, Ban Thường vụ ký các văn bản của Hội;

e) Khi Chủ tịch Hội vắng mặt, việc chỉ đạo, điều hành giải quyết công việc của Hội được ủy quyền bằng văn bản cho một Phó Chủ tịch Hội.

## **Điều 18. Phó Chủ tịch**

1. Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu bằng phiếu kín trong số các ủy viên Ban Thường vụ Hội. Tiêu chuẩn Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định, trên cơ sở đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của Đảng và Nhà nước.

2. Phó Chủ tịch giúp Chủ tịch Hội chỉ đạo, điều hành công tác của Hội theo sự phân công của Chủ tịch Hội; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội và trước pháp luật về lĩnh vực công việc được Chủ tịch Hội phân công hoặc ủy quyền. Phó Chủ tịch Hội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

## **Điều 19. Văn phòng và Hội đồng Nghệ thuật của Hội**

1. Văn phòng Hội là bộ phận tham mưu giúp việc cho Ban Chấp hành, Ban Thường vụ hoạt động theo Quy chế do Ban Chấp hành thông qua.

2. Hội đồng Nghệ thuật

a) Hội đồng Nghệ thuật của Hội là cơ quan tư vấn của Ban Chấp hành trong lĩnh vực Lý luận phê bình, sưu tầm nghiên cứu và thẩm định tác phẩm văn học nghệ thuật các dân tộc thiểu số, xét giải thưởng và đầu tư sáng tác; đề xuất biện pháp, phương hướng hoạt động nâng cao chất lượng nghệ thuật.

b) Chủ tịch Hội đồng Nghệ thuật của Hội do Ban Chấp hành bầu. Chủ tịch Hội đồng Nghệ thuật giới thiệu các thành viên Hội đồng Nghệ thuật để Ban Chấp hành thông qua.

c) Hội đồng Nghệ thuật hoạt động theo Quy chế do Ban Chấp hành ban hành.

## **Điều 20. Chi hội, Ban Chuyên môn và các tổ chức thuộc Hội**

### **1. Chi hội của Hội**

a) Chi hội là tổ chức cơ sở của Hội không có tư cách pháp nhân, con dấu do Ban Thường vụ Hội quyết định thành lập. Chi hội ở các tỉnh, thành phố có từ 03 (ba) hội viên trở lên được thành lập Chi hội. Chi hội ở địa phương nào thì phải có trách nhiệm phối hợp hoạt động với Hội Văn học nghệ thuật ở địa phương đó.

b) Ban Chấp hành Chi hội có Chi hội trưởng và các Chi hội phó do Đại hội Chi hội bầu ra. Các nghị quyết, quyết định của Chi hội có giá trị sau khi thông qua Đại hội Chi hội hoặc Hội nghị hội viên.

c) Ban Chấp hành Chi hội có nhiệm vụ quản lý hội viên, tổ chức các hoạt động chuyên môn, triển khai các nghị quyết, kế hoạch công tác của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội. Nhiệm kỳ của Chi hội là 05 (năm) năm.

2. Ban chuyên môn và các tổ chức thuộc Hội được thành lập theo quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật, có nhiệm vụ đề xuất tham mưu cho Ban Chấp hành và Ban Thường vụ Hội về hoạt động chuyên môn của Hội, hoạt động theo Quy chế do Ban Thường vụ Hội quy định.

## **Chương V**

### **CHIA, TÁCH; SÁP NHẬP; HỢP NHẤT; ĐỔI TÊN VÀ GIẢI THỂ**

#### **Điều 21. Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên và giải thể**

Việc chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên và giải thể Hội được thực hiện theo quy định của Bộ luật dân sự, nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc của Hội, quy định của pháp luật về hội và quy định pháp luật có liên quan.

## **Chương VI**

### **TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN**

#### **Điều 22. Tài chính, tài sản của Hội**

##### **1. Tài chính của Hội**

a) Nguồn thu của Hội:

- Hội phí hàng năm của hội viên;
- Thu từ các hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật;
- Tiền tài trợ, ủng hộ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;
- Hỗ trợ của Nhà nước gắn với nhiệm vụ được giao (nếu có);
- Các khoản thu hợp pháp khác.

b) Các khoản chi của Hội:

- Chi lương, phụ cấp lãnh đạo, cán bộ, nhân viên Văn phòng và một số Ban chuyên môn của Hội theo quy định của Ban Chấp hành Hội phù hợp với quy định của pháp luật;

- Chi các hoạt động mở trại sáng tác văn học nghệ thuật, thâm nhập thực tế sáng tác cho các hội viên, hội nghị, hội thảo, thông tin, tuyên truyền in ấn phát hành các sản phẩm văn hóa, các hoạt động quan hệ quốc tế theo quy định của Ban Chấp hành Hội phù hợp với quy định của pháp luật;

- Chi giải thưởng, hỗ trợ sáng tạo văn học nghệ thuật hàng năm của Hội theo quy định của Ban Chấp hành Hội phù hợp với quy định của pháp luật;

- Chi cho các hoạt động khác của Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

2. Tài sản của Hội bao gồm: trụ sở, trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động của Hội. Tài sản của Hội được hình thành từ nguồn kinh phí của Hội; do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hiến, tặng theo quy định của pháp luật.

### **Điều 23. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội**

1. Tài chính, tài sản của Hội chỉ được sử dụng cho các hoạt động của Hội. Nghiêm cấm sử dụng tài sản, tài chính vào mục đích riêng cho một nhóm người, cá nhân hoặc không đem lại lợi ích chung cho Hội.

2. Tài chính, tài sản của Hội khi chia, tách; sáp nhập; hợp nhất và giải thể được giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Tài sản và tài chính của Hội giao cho các đơn vị trực thuộc Hội quản lý, sử dụng vào mục đích đã được quy định trong chức năng của đơn vị. Thủ trưởng các đơn vị chịu trách nhiệm trước Ban Chấp hành về tài sản, tài chính của đơn vị mình và báo cáo Ban Thường vụ theo định kỳ.

4. Ban Chấp hành Hội ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, tiết kiệm phù hợp với quy định của pháp luật và tôn chỉ, mục đích hoạt động của Hội.

## **Chương VII KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT**

### **Điều 24. Khen thưởng**

1. Tổ chức, đơn vị, hội viên thuộc Hội có thành tích xuất sắc được Hội khen thưởng hoặc được Hội đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể hình thức, thẩm quyền, thủ tục khen thưởng trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

**Điều 25. Kỷ luật**

1. Tổ chức, đơn vị, hội viên thuộc Hội vi phạm pháp luật; vi phạm Điều lệ, quy định, quy chế hoạt động của Hội thì bị xem xét, thi hành kỷ luật bằng các hình thức: phê bình, khiển trách, cảnh cáo, khai trừ khỏi Hội.

2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể thẩm quyền, quy trình xem xét xử lý kỷ luật trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

**Chương VIII  
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH****Điều 26. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội**

1. Chỉ có Đại hội đại biểu toàn quốc Hội Văn học nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam mới có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ này, để cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. **LuatVietnam**

2. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội phải được trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội biểu quyết tán thành.

**Điều 27. Hiệu lực thi hành**

1. Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Hội Văn học nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam gồm 08 (tám) Chương, 27 (hai mươi bảy) Điều đã được Đại hội đại biểu toàn quốc của Hội thông qua ngày 18 tháng 11 năm 2019 tại Hà Nội và có hiệu lực thi hành theo Quyết định phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

2. Căn cứ quy định pháp luật về hội và Điều lệ Hội, Ban Chấp hành Hội Văn học nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ này./.